



# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 179 + 180

Ngày 01 tháng 6 năm 2026

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

27-02-2026	Quyết định số 1088/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	03
27-02-2026	Quyết định số 1089/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.	13
27-02-2026	Quyết định số 1090/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.	16

27-02-2026	Quyết định số 1091/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.	19
27-02-2026	Quyết định số 1110/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	38
28-02-2026	Quyết định số 1124/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch – Kiến trúc.	44
03-3-2026	Quyết định số 1186/QĐ-UBND áp dụng “Quyết định số 76/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau sắp xếp).	48
04-3-2026	Quyết định số 1266/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.	50
05-3-2026	Quyết định số 1269/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	66

## VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1088/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa

và Công Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1783/TTr-SNNMT-VP ngày 22 tháng 01 năm 2026.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **10** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

1. Lĩnh vực Trồng trọt: 06 thủ tục được sửa đổi, bổ sung (Phụ lục I);
2. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật: 04 thủ tục bị bãi bỏ (Phụ lục II).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Công Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố các thủ tục có thứ tự 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Mục A tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**Phụ lục I****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định cấp Thẻ giám định viên: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15); - Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
2	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	<p>- Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	<p>- Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;</p> <p>- Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		người được cấp Thẻ.				quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 30 ngày.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	- Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15); - Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ ban

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
4	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không	<p>- Khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15);</p> <p>- Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;</p> <p>- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
5	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng</p>	<p>- Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 10 ngày kể từ</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính</p>	<p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>Không</p>	<p>- Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.</p>	<p>công cấp xã.</p>			<p>sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;</p> <p>- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
6	<p>Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo</p>	<p>Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến: 30</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ</p>	<p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>Không</p>	<p>- Khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15); - Điều 113 Nghị định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	yêu cầu của tổ chức, cá nhân	ngày.	hành chính công cấp xã.			<p>số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;</p> <p>- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>

**Phụ lục II****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO VỆ  
THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG  
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

<b>TT</b>	<b>Mã TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Văn bản pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>
1	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
3	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	
4	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1089/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ lĩnh vực  
Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1155/TTr-SKHCN ngày 09 tháng 02 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự 1 ban hành kèm theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học

và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC  
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ
1	Thủ tục thành lập sản giao dịch công nghệ vùng	<p>- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>- Quyết định số 926/QĐ-BKHHCN ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1090/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
mới ban hành lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3600/TTr-STC ngày 09 tháng 02 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **01** thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC  
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Đề nghị hoàn trả số tiền thuê lại đất mà chủ đầu tư đã giảm cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê đất, thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.	- Trường hợp chủ đầu tư được thanh toán bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp trong năm: Thời hạn giải quyết <b>12 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chủ đầu tư được hoàn trả từ ngân sách nhà nước: Thời hạn giải quyết chậm nhất <b>13 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp: + Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hồ Chí Minh; + Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. - Dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Công dịch vụ công quốc gia.	- UBND Thành phố. - Sở Tài chính. - Thuế Thành phố. - Kho bạc Nhà nước khu vực.	Không	- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; - Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; - Quyết định số 171/QĐ-BTC ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1091/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3330/TTr-STC ngày 04 tháng 02 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **13** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố của các thủ tục:

- Thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 18, 24, 25, 26, 27, 28 tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

- Thứ tự 2, 5 tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH  
VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng tin quốc gia về đăng doanh nghiệp ( <a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a> ).	- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; - Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					BTC).	đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng doanh nghiệp ( <a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a> ).	- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; - Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.</p>	<p>100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>
3	<p>Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công phố; - Qua dịch vụ bưu chính;</p>	<p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>- Trụ sở: Công ty TNHH Công nghệ thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).</p>	<p>phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.</p>	<p>định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.</p> <p>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p> <p>- Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<p>- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a>).</p>	<p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố;</p> <p>- Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.</p> <p>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020;</p> <p>- Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p> <p>- Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>
5	<p>Đăng ký thành lập công ty hợp danh</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a>).</p>	<p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; - Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
6	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh; đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng tin quốc gia về đăng doanh	- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố;	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lên; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết		ng nghiệp ( <a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a> ).	- Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
7	Cấp đổi Giấy phép đầu	03 ngày làm việc kể từ	- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ	- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyên sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ( <a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a> ).	Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; - Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh					trường Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
8	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ( <a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a> ).	- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; - Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					47/2019/TT-BTC).	<p>đăng ký hộ kinh doanh;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</li> <li>- Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</li> </ul>
9	<p>Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố;                      - Qua dịch vụ bưu chính;                      - Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng doanh nghiệp (<a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a>).</p>	<p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố;                      - Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.                      - Phí công bố nội dung đăng ký doanh</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020;                      - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025;                      - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;                      - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;                      - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.</p>	<p>100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>
10	<p>Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính;</p>	<p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lại		<p>- Trụ sở: Công ty TNHH Công nghệ thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).</p>	<p>phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.</p>	<p>định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.</p> <p>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p> <p>- Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
11	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<p>- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính;</p> <p>- Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng doanh nghiệp (<a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a>).</p>	<p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố;</p> <p>- Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.</p> <p>- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020;</p> <p>- Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.</p> <p>- Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.</p>
12	<p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a>).</p>	<p>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố; - Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh</p>	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến: Cổng tin quốc gia về đăng ký doanh	- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại Thành phố;	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	cổ phần)		nghiệp ( <a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a> ).	- Ban quản lý khu công nghệ cao cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ đặt trong khu công nghệ cao.	số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	liệu; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. - Quyết định số 92/QĐ-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1110/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
lĩnh vực Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3954/TTr-SNNMT-VP ngày 11 tháng 02 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **05** thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý đô thị và Phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố thủ tục tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý đô thị và Phòng, chống thiên tai phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban Mật trận Tổ Quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU  
VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh <i>(theo yêu cầu của Chủ khoản viện trợ)</i>	Không	- Khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai; - Điều 55 và Điều 59 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai; - Quyết định số 494/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Phê duyệt Văn kiện,	a) Trường hợp cơ quan	- Trung tâm Phục	Sở Nông nghiệp và	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: thời gian các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản.</p> <p>b) Trường hợp cơ quan chủ quản <b>không</b> lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định việc phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.</p>	<p>vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	<p>Môi trường hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh <i>(theo yêu cầu của đối tượng thực hiện TTHC)</i></p>		<p>tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 62 và Điều 69 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai;</li> <li>- Quyết định số 494/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> <li>- Công văn số 1561/BNNMT-VP ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về đính chính văn bản.</li> </ul>
3	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề	Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.			một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Quyết định số 494/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều. - Điều 13, khoản 11 Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai. - Quyết định số 494/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.</li> <li>- Điều 13 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.</li> <li>- Quyết định số 494/QĐ-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1124/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kiến trúc thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1117/TTr-SQHKT-VP ngày 13 tháng 02 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **06** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Bãi bỏ nội dung công bố của các thủ tục tại mục I Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kiến trúc; Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
LĨNH VỰC KIẾN TRÚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.		150.000 đồng/chứng chỉ	- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			Không có	- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
4	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			150.000 đồng/chứng chỉ	- Quyết định số 164/QĐ-BXD ngày 05/02/2026 của Bộ
5	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			150.000 đồng/chứng chỉ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ngoài ở Việt Nam					trường Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được
6	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			300.000 đồng/chứng chỉ	sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1186/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng “Quyết định số 76/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau sắp xếp)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XV;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 1952/TTr-BQL ngày 05 tháng 02 năm 2026; của Sở Tư pháp tại Công văn số 885/STP-VB ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Phiếu ý kiến số 1820/STP-VB ngày 25 tháng 02 năm 2026; của Sở Tài chính tại Công văn số 2453/STC-HCSN ngày 27 tháng 01 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Áp dụng Quyết định**

Áp dụng “Quyết định số 76/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau sắp xếp).

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài chính, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Hải quan khu vực II, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Lộc Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1266/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành  
lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 3550/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 2012/TTr-SVHTT ngày 11 tháng 02 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **38** thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan

chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC DI SẢN  
VĂN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
1.	Thủ tục phê duyệt quy hoạch khảo cổ	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
2.	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khảo cổ	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3.	Thủ tục phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
4.	Thủ tục phê duyệt quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025
5.	Thủ tục phê duyệt điều	Trong thời hạn 27 ngày làm việc,	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
	chính quy hoạch cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh (cấp tỉnh)	kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch di tích. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
6.	Thủ tục xác nhận di tích xuống cấp để lập dự án tu bổ di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư dự án tu bổ di tích. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
7.	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
8.	Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi. * Cơ quan có thẩm	

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
	tích (cấp tỉnh)	Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	
9.	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
10.	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.		năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
11.	Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
12.	Thủ tục phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.		
13.	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	<p>Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.</p>	<p>* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.</p> <p>* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.</p>	<p>- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.</p>
14.	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản di tích (cấp tỉnh)	<p>Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di</p>	<p>* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.</p> <p>* Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.</p>	<p>- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		tích là 07 ngày làm việc.		
15.	Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
16.	Thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	
17.	Thủ tục thẩm định điều chỉnh	Trong thời hạn 17 ngày làm việc,	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
	Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	thực hiện điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
18.	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
19.	Thủ tục lấy ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết. * Cơ quan có thẩm	

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
20.	Thủ tục phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu sửa cấp thiết di tích. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	
21.	Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
22.	Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa,

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là 07 ngày làm việc.		Thể thao và Du lịch.
23.	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
24.	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	
25.	Thủ tục thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
	tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.	kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
26.	Thủ tục phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp di tích có nguy cơ bị hủy hoại hoặc cần tu bổ, tôn tạo đột xuất phục vụ nhiệm vụ chính trị đặc biệt thì thời hạn phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích là 07 ngày làm việc.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
27.	Thủ tục thẩm định điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản di tích đối với di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
28.	Thủ tục phê duyệt điều chỉnh Thiết kế bản vẽ thi công	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	* Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi,	

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
	bảo quản di tích (cấp tỉnh)	lệ.	Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	
29.	Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm trong khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh, di tích trong Danh mục kiểm kê di tích	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập.
30.	Thủ tục lấy ý kiến đối với dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, cấp phép dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	- Quyết định số 3488/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
	cấp tỉnh			
31.	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới.	* Đối tượng thực hiện: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
32.	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp cấp giấy phép xây dựng)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và trên cơ sở lấy ý kiến bằng văn bản của người đại diện, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích, di sản thế giới.	* Đối tượng thực hiện: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.	
33.	Thủ tục phê duyệt đề cương trưng bày bảo tàng công lập (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Bảo tàng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức chủ quản của bảo tàng công lập. * Cơ quan có thẩm	

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	
34.	Thủ tục quyết định việc tổ chức liên hoan 01 hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.
35.	Thủ tục phê duyệt kế hoạch tổ chức trưng bày, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	- Quyết định số 3550/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
36.	Thủ tục phê duyệt đề án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	
37.	Thủ tục phê duyệt kế hoạch quản lý, điều chỉnh kế hoạch quản lý di sản thế giới (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
38.	Thủ tục phê duyệt quy chế bảo vệ di sản thế giới (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	* Đối tượng thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao. * Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1269/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đo đạc và bản đồ  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4241/TTr-SNNMT-VP ngày 13 tháng 02 năm 2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **03** thủ tục hành chính lĩnh

vực Đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố các thủ tục tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Đất đai; Tài nguyên nước; Khí tượng thủy văn; Đo đạc và Bản đồ; Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Giao thông vận tải; Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Nông nghiệp (Khuyến nông); Quản lý doanh nghiệp; Quản lý đô thị và Phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC CH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2026*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ <sup>1</sup>	* Cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ: không quá 12 ngày làm việc, cụ thể như sau: - Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: không quá 08 ngày làm việc + Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: 02 ngày làm việc. + Thời hạn thẩm định hồ sơ: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam:	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	*Cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ: 1. Dưới 03 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 4.090.000 đồng/hồ sơ. 2. Từ 03 đến 05 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 5.540.000 đồng/hồ sơ. 3. Từ 06 đến 08 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 6.030.000 đồng/hồ sơ. 4. Từ 09 đến 11 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ

<sup>1</sup> Đối với trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép/ bổ sung danh mục/ gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ **TRỪ** các tổ chức đề nghị cấp giấy phép thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập; Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc tổ chức trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có pháp nhân và hạch toán độc lập; tổ chức có pháp nhân và hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc cơ quan trung ương của tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nhà thầu nước ngoài.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>+ Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ.</p> <p>+ Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.</p> <p>* Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: không quá 10 ngày làm việc, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: không quá 06 ngày làm việc</li> <li>- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: 02 ngày làm việc.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa</li> </ul>			<p>đồ: 6.510.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>5. Từ 12 đến 14 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 7.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>*Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: chưa quy định.</p>	<p>quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</li> <li>- Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2026/NĐ-CP);</li> <li>- Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>lý Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.</li> <li>- Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.</li> </ul>				<p>2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;</li> <li>- Quyết định số 421/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi,</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	<p>* Đối với cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>* Đối với gia hạn/ cấp lại/ cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa quy định	<p>- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;</p> <p>- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;</p> <p>- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2026/NĐ-CP);</p> <p>- Quyết định số 421/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố. - Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố	Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ ban hành kèm Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;</li> <li>- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ</li> <li>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2026/NĐ-CP);</p> <p>- Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						đo đạc và bản đồ; - Quyết định số 421/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>